

Số: 451/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp sinh viên CĐLT khóa 2022 và các khóa cũ (Đợt xét tháng 8/2023)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 713;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 về Ban hành quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 395/TB-LTT-ĐT, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc gia hạn thêm thời gian học, trả nợ và xét tốt nghiệp của các khóa đào tạo do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 từ năm 2021;

Căn cứ Quyết định 416/QĐ-LTT-ĐT, ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo 375;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp cao đẳng ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp năm học 2022 - 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 167 sinh viên Cao đẳng liên thông khóa 2022 (22C2) và các khóa cũ, cụ thể như sau:

1. Khóa 2019C2 (19C2): 07 sinh viên
2. Khóa 2020C2 (20C2): 14 sinh viên
3. Khóa 2022C2 (22C2): 146 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-LTT-ĐT ngày 11 tháng 8 năm 2023

của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
1	19004714	Phan Thế	Hòa	Nam	21/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-CCK1	A	TOEIC 350	6,06	Trung bình	
2	19005406	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	26/07/2023	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-CNÔ1	A	B Tiếng Anh	6,12	Trung bình	
3	19005431	Phạm Nguyễn Công	Minh	Nam	14/04/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-CNÔ1	A	B Tiếng Anh	6,46	Trung bình	
4	19005201	Bùi Minh	Trực	Nam	02/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,91	Trung bình	
5	19005189	Đỗ Ngọc	Viên	Nam	14/08/1999	Quảng Ngãi	19C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,73	Trung bình	
6	19004822	Trần Thúy	Ngân	Nữ	16/08/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-KTD1	IC3	B Tiếng Anh	5,68	Trung bình	
7	19004995	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	26/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C2-KTD1	A	B Tiếng Anh	6,71	Trung bình	
8	20006124	Huỳnh Hoàng	Hiếu	Nam	4/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CCK1	A	TOEIC 350	6,66	Trung bình	
9	20006141	Võ Tân	Khoa	Nam	10/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	6,17	Trung bình	
10	20006592	Nguyễn Lê Trường	Nam	Nam	15/01/2001	Bình Dương	20C2-CNÔ2	A	B Tiếng Anh	6,61	Trung bình	
11	20006614	Phạm Thanh	Tùng	Nam	19/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-CNÔ3	A	TOEIC 350	6,66	Trung bình	
12	20006498	Hồ Kỳ	Hào	Nam	17/12/2002	Đồng Nai	20C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,54	Trung bình	
13	20006219	Nguyễn Tiến	Trung	Nam	10/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-ĐĐT1	A	TOEIC 350	6,4	Trung bình	
14	20006420	Trần Hoàng	Lộc	Nam	16/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-NNA1	A	Tiếng Trung	6,76	Trung bình	
15	20006040	Đường Gia	Huy	Nam	24/02/2002	Kiên Giang	20C2-QTM1		B Tiếng Anh	5,84	Trung bình	
16	20006008	Trần Đỗ Phúc	Thiện	Nam	26/08/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1		B Tiếng Anh	6,36	Trung bình	
17	20006025	Nguyễn Trung	Tín	Nam	14/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1		B Tiếng Anh	6,36	Trung bình	
18	20006013	Nguyễn Đoàn Trung	Trực	Nam	08/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-QTM1		TOEIC 350	5,99	Trung bình	
19	20006276	Trần Tuấn	Đạt	Nam	21/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-THU1		TOEIC 350	6	Trung bình	
20	20006271	Lưu Vũ Ngọc	Kiên	Nam	25/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-THU1		TOEIC 350	5,73	Trung bình	
21	20006361	Nguyễn Đức	Huy	Nam	06/08/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C2-TKW1		TOEIC 350	7,15	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
22	22000791	Trần Nam Thiên Bảo	Duy	Nam	02/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	A	TOEIC 350	2,14	Trung bình	
23	22000336	Nguyễn Đình Phú	Hào	Nam	16/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	TOEIC 350	2,51	Khá	
24	22000485	Phạm Tiến	Hội	Nam	04/05/2001	Quảng Ngãi	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,17	Trung bình	
25	22000183	Lê Minh	Huy	Nam	24/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,37	Trung bình	
26	22000193	Nguyễn Trần Anh	Huy	Nam	10/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,42	Trung bình	
27	22000280	Lê Quang Minh	Khánh	Nam	08/12/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	22C2-CCK1	A	TOEIC 350	2,51	Khá	
28	22000483	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	15/11/1988	Tây Ninh	22C2-CCK1	A	B1 Tiếng Anh	2,72	Khá	
29	22000019	Võ Tuấn	Linh	Nam	09/07/1994	Long An	22C2-CCK1	A	TOEIC 350	2,98	Khá	
30	22000314	Trương Huỳnh Minh	Nhật	Nam	26/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,24	Trung bình	
31	22000309	Nguyễn Hiền Anh	Pháp	Nam	16/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,77	Khá	
32	22000364	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	25/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,64	Khá	
33	22000250	Nguyễn Đình	Quý	Nam	17/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	3,27	Giỏi	
34	22000024	Lê Tấn	Sang	Nam	15/01/2001	Tây Ninh	22C2-CCK1	IC3	TOEIC 350	2,36	Trung bình	
35	22000400	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	05/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	IC3	B Tiếng Anh	2,99	Khá	
36	22000337	Tô Chí	Trung	Nam	25/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CCK1	A	B Tiếng Anh	3,48	Giỏi	
37	22000180	Cao Quân	Bảo	Nam	18/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,49	Trung bình	
38	22000197	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	24/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,93	Khá	
39	22000403	Huỳnh Tấn	Hung	Nam	06/03/2002	Bến Tre	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	3,9	Xuất sắc	
40	22000226	Nguyễn Hữu Phúc	Khang	Nam	15/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,42	Trung bình	
41	22000320	Bùi Phạm Thanh	Lâm	Nam	19/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,23	Trung bình	
42	22000189	Phạm Thành	Lộc	Nam	05/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,15	Trung bình	
43	22000109	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	06/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,23	Trung bình	
44	22000154	Lê Nguyễn Xuân	Thiện	Nam	11/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	2,55	Khá	
45	22000143	Lê Nam	Thịnh	Nam	12/08/2003	Vĩnh Long	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	3,35	Giỏi	
46	22000281	Lê Nguyễn Kim	Trọng	Nam	29/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CĐT1	IC3	B Tiếng Anh	3,22	Giỏi	
47	22000312	Dương Tấn	Hung	Nam	23/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNM1	A	B Tiếng Anh	2,98	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
48	22000276	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	18/10/2003	Đồng Tháp	22C2-CNM1	A	B Tiếng Anh	3,29	Giỏi	
49	22000196	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	02/10/2002	Bình Định	22C2-CNM1	A	B Tiếng Anh	3,48	Giỏi	
50	22000826	Lương Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	17/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNM1	A	B Tiếng Anh	3,21	Giỏi	
51	22000205	Bùi Thị Bé	Xinh	Nữ	01/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNM1	A	B Tiếng Anh	3,39	Giỏi	
52	22000341	Dương Đăng	Hung	Nam	25/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,63	Khá	
53	22000344	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	01/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,59	Khá	
54	22000372	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	16/11/2002	Quảng Ngãi	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,7	Khá	
55	22000777	Hoàng Đức	Long	Nam	29/08/2000	Bình Phước	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,14	Trung bình	
56	22000159	Nguyễn Văn	Nam	Nam	27/01/2003	Bắc Ninh	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,28	Trung bình	
57	22000230	Huỳnh Hữu	Phấn	Nam	28/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,71	Khá	
58	22000242	Trần Phước Hoàn	Phúc	Nam	19/05/2003	Đà Nẵng	22C2-CNÔ1	IC3	TOEIC 350	2,49	Trung bình	
59	22000424	Vũ Duy	Thường	Nam	14/03/1988	Đồng Nai	22C2-CNÔ1	A	TOEIC 350	2,87	Khá	
60	22000203	Trần Chung Minh	Trí	Nam	05/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CNÔ1	IC3	B Tiếng Anh	2,38	Trung bình	
61	22000460	Hà Trịnh Hoàng	Đạt	Nam	02/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-ĐCN1	A	B Tiếng Anh	2,65	Khá	
62	22000461	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	25/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-ĐCN1	IC3	B Tiếng Anh	2,3	Trung bình	
63	22000390	Phan Minh	Kiệt	Nam	22/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-ĐCN1	IC3	B Tiếng Anh	3,16	Giỏi	
64	22000262	Cao Đoàn Phú	Quý	Nam	04/04/2003	Vĩnh Long	22C2-ĐCN1	IC3	B Tiếng Anh	3	Giỏi	
65	22000274	Trần Văn	Tú	Nam	23/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-ĐCN1	IC3	B Tiếng Anh	3,07	Giỏi	
66	22000164	Trần Hà Anh	Vũ	Nam	02/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-ĐCN1	IC3	B Tiếng Anh	2,51	Khá	
67	22000438	Nguyễn Thanh	Trung	Nam	15/06/1992	Long An	22C2-KML1	A	TOEIC 350	3,42	Giỏi	
68	22000441	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Nữ	01/05/1975	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	2,88	Khá	
69	22000057	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	24/03/1989	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,44	Giỏi	
70	22000370	Võ Thị Thanh	Loan	Nữ	25/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	IC3	B Tiếng Anh	2,68	Khá	
71	22000148	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/02/2003	Bắc Giang	22C2-KTD1	IC3	TOEIC 350	3,19	Giỏi	
72	22000355	Lê Phương Uyên	Nhi	Nữ	13/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	IC3	TOEIC 350	2,74	Khá	
73	22000560	Đào Thị Hồng	Phượng	Nữ	01/06/2003	Hậu Giang	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,38	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
74	22000622	Nguyễn Thị Minh	Quế	Nữ	16/06/2004	Thanh Hoá	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,27	Giỏi	
75	22000395	Nguyễn Thị Bích	Quyên	Nữ	07/10/2003	Bình Thuận	22C2-KTD1	IC3	TOEIC 350	2,84	Khá	
76	22000060	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Nữ	07/09/1987	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,62	Xuất sắc	
77	22000062	Võ Long	Triều	Nam	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,45	Giỏi	
78	22000414	Lê Thục	Uyên	Nữ	09/07/2003	Gia Lai	22C2-KTD1	IC3	TOEIC 350	3,17	Giỏi	
79	22000063	Hồ Thị Thúy	Vân	Nữ	15/08/1991	Hà Tĩnh	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,23	Giỏi	
80	22000064	Nguyễn Bùi An	Vân	Nữ	20/08/1970	Đà Nẵng	22C2-KTD1	A	TOEIC 350	3,77	Xuất sắc	
81	22000373	Huỳnh Thị	Vy	Nữ	14/07/2003	Quảng Ngãi	22C2-KTD1	IC3	B Tiếng Anh	3,61	Xuất sắc	
82	22000297	Tăng Nguyễn Thùy	Anh	Nữ	29/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,62	Khá	
83	22000269	Nguyễn Trần Gia	Bảo	Nữ	01/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,8	Khá	
84	22000151	Võ Lê Quốc	Bảo	Nam	05/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,73	Khá	
85	22000175	Trần Nguyễn Tú	Bình	Nữ	20/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,86	Khá	
86	22000153	Lê Kim	Cương	Nữ	27/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	A	Tiếng Trung	2,5	Khá	
87	22000258	Trần Anh	Đào	Nữ	21/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	A	Tiếng Trung	2,63	Khá	
88	22000217	Võ Ngọc	Điệp	Nữ	31/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,94	Khá	
89	22000277	Tạ Ngọc Phong	Duy	Nam	26/06/2003	Long An	22C2-NNA1	A	Tiếng Trung	2,56	Khá	
90	22000422	Lâm Nhật	Huy	Nam	09/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,59	Khá	
91	22000311	Phạm Trần Đăng	Khoa	Nam	08/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,81	Khá	
92	22000323	Lê Ngô Tuấn	Kiệt	Nam	12/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,25	Giỏi	
93	22000416	Mâu Thị Ngọc	Linh	Nữ	08/10/2003	Hà Nội	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,85	Khá	
94	22000319	Huỳnh Thiện	Lộc	Nam	27/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,47	Giỏi	
95	22000417	Nguyễn Phạm Khánh	Mai	Nữ	12/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,6	Xuất sắc	
96	22000202	Lê Trà	My	Nữ	01/06/2003	Cần Thơ	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,92	Khá	
97	22000251	Phùng Thảo	My	Nữ	11/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,92	Khá	
98	22000190	Huỳnh Phạm Trần Lê	Na	Nữ	20/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,7	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
99	22000374	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	31/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,65	Khá	
100	22000466	Phan Nhật Kim	Ngân	Nữ	11/08/2003	Bà Rịa-Vũng Tàu	22C2-NNA1	A	Tiếng Trung	2,71	Khá	
101	22000131	Đinh Thanh	Nguyên	Nam	13/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,82	Khá	
102	22000284	Trần Hà Kiều	Oanh	Nữ	30/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,31	Trung bình	
103	22000112	Nguyễn Thiên	Phú	Nam	17/10/2000	Long An	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,03	Giỏi	
104	22000243	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	19/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,18	Giỏi	
105	22000397	Mai Thị Uyên	Phuong	Nữ	09/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,46	Giỏi	
106	22000122	Nguyễn Mạnh Hoàng	Quân	Nam	26/09/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,01	Giỏi	
107	22000165	Phạm Anh	Quý	Nam	24/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	A	Tiếng Trung	3,35	Giỏi	
108	22000162	Từ Thanh	Thảo	Nữ	22/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,4	Giỏi	
109	22000335	Thái Thanh	Thư	Nữ	26/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,75	Khá	
110	22000173	Lê Đăng Hoài	Thương	Nữ	12/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,69	Khá	
111	22000234	Đinh Hoàng Cát	Tiên	Nữ	19/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,39	Giỏi	
112	22000289	Nguyễn Xuân	Toan	Nam	16/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,93	Khá	
113	22000184	Đặng Thị Kim	Trang	Nữ	07/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,51	Khá	
114	22000224	Nguyễn Lê Minh	Trang	Nữ	09/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	3,44	Giỏi	
115	22000209	Trần Ngọc	Trí	Nam	22/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-NNA1	IC3	Tiếng Trung	2,47	Trung bình	
116	22000334	Lê Đăng Đức	Anh	Nam	28/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	2,58	Khá	
117	22000343	Nguyễn Anh	Đức	Nam	23/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	A	B Tiếng Anh	2,39	Trung bình	
118	22000318	Hoàng Nhã	Linh	Nữ	14/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	2,75	Khá	
119	22000132	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	09/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	2,89	Khá	
120	22000110	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	14/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	3,22	Giỏi	
121	22000305	Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	30/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	3,07	Giỏi	
122	22000313	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	16/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350	2,92	Khá	
123	22000107	Bùi Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	03/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350	2,4	Trung bình	
124	22000467	Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	01/04/2003	Hoà Bình	22C2-QTD1	A	B Tiếng Anh	2,77	Khá	
125	22000084	Lư Diễm	Phúc	Nữ	02/04/1987	Vĩnh Long	22C2-QTD1	A	B Tiếng Anh	3,35	Giỏi	
126	22000409	Trần Thanh	Phuong	Nam	07/12/2003	Quảng Nam	22C2-QTD1	A	B Tiếng Anh	2,95	Khá	
127	22000391	Vũ Thị Như	Quỳnh	Nữ	07/01/2003	Lâm Đồng	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	3,43	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
128	22000114	Lý Hồng Tuyết	Sương	Nữ	28/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350	3,41	Giỏi	
129	22000324	Phạm Nguyễn Minh	Thư	Nữ	17/08/2003	Đồng Nai	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350	2,74	Khá	
130	22000420	Trương Thị Mỹ	Tiên	Nữ	07/05/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	3,16	Giỏi	
131	22000231	Nguyễn Thị Quế	Trần	Nữ	26/07/2003	Thừa Thiên -Huế	22C2-QTD1	IC3	B Tiếng Anh	2,69	Khá	
132	22000239	Tân Minh	Tuấn	Nam	08/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTD1	IC3	TOEIC 350	2,97	Khá	
133	22000218	Võ Duy	An	Nam	21/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		B Tiếng Anh	2,84	Khá	
134	22000238	Lê Trí	Hải	Nam	20/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		B Tiếng Anh	2,41	Trung bình	
135	22000255	Nguyễn Anh	Khuê	Nam	01/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		B Tiếng Anh	2,52	Khá	
136	22000447	Mai Quốc	Triệu	Nam	10/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-CMT1		TOEIC 350	2,37	Trung bình	
137	22000140	Phạm Gia	Bảo	Nam	07/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,27	Giỏi	
138	22000163	Võ Hoàng	Bảo	Nam	11/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,2	Giỏi	
139	22000419	Quách Huệ	Bền	Nam	07/05/1997	Sóc Trăng	22C2-LTM1		TOEIC 350	3,03	Giỏi	
140	22000257	Trần Hữu	Đông	Nam	16/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,02	Giỏi	
141	22000283	Huỳnh Gia	Huy	Nam	06/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,73	Khá	
142	22000302	Cao Vũ Nhật	Huy	Nam	13/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,3	Trung bình	
143	22000158	Trần Quốc	Khánh	Nam	29/08/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,19	Giỏi	
144	22000254	Ngô Đức	Minh	Nam	24/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	3,15	Giỏi	
145	22000136	Hoàng Trần Ngọc	Nghĩa	Nam	10/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,68	Khá	
146	22000290	Võ Ngọc Gia	Phúc	Nam	01/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,68	Khá	
147	22000135	Võ Hữu	Phước	Nam	10/09/1994	Đắk Lắk	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,69	Khá	
148	22000117	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	22/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,98	Khá	
149	22000327	Nguyễn Trần Ngọc	Thạch	Nam	17/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		TOEIC 350	2,56	Khá	
150	22000145	Bùi Thị Anh	Thư	Nữ	20/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	2,39	Trung bình	
151	22000191	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	21/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,02	Giỏi	
152	22000220	Nguyễn Hùng	Việt	Nam	01/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-LTM1		B Tiếng Anh	3,13	Giỏi	
153	22000248	Phạm Thế	Ân	Nam	05/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		B Tiếng Anh	2,41	Trung bình	
154	22000357	Trần Quốc	Đạt	Nam	20/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	2,8	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	CC TH	CC NN	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
155	22000137	Phạm Ngọc Hoàng	Gia	Nam	27/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	2,31	Trung bình	
156	22000128	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	26/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	2,75	Khá	
157	22000299	Trần Duy	Long	Nam	19/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		B Tiếng Anh	2,46	Trung bình	
158	22000232	Trần Nguyễn Thanh	Phong	Nam	22/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	3,27	Giỏi	
159	22000265	Phan Ngọc Linh	Quyên	Nữ	03/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		B Tiếng Anh	2,52	Khá	
160	22000179	Lê Nguyễn Công	Tài	Nam	06/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	2,97	Khá	
161	22000129	Ngô Trương Minh	Tâm	Nam	08/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	3,27	Giỏi	
162	22000094	Lê Nguyễn Minh	Trung	Nam	16/09/2001	Bến Tre	22C2-QTM1		TOEIC 350	3,44	Khá	
163	22000746	Nguyễn Đức	Trung	Nam	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		B Tiếng Anh	2,95	Khá	
164	22000097	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	14/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-QTM1		TOEIC 350	2,15	Trung bình	
165	22000306	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	Nữ	26/07/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		B Tiếng Anh	2,83	Khá	
166	22000376	Vy Hoàng Yến	Nhi	Nữ	07/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		B Tiếng Anh	2,79	Khá	
167	22000247	Nguyễn Vũ Minh	Quân	Nam	29/03/2002	Tp. Hồ Chí Minh	22C2-TKĐ1		B Tiếng Anh	2,73	Khá	

Tổng cộng danh sách có 167 sinh viên

- Xuất sắc: 5 2,99%
 - Giỏi: 45 26,95%
 - Khá: 69 41,32%
 - Trung bình: 48 28,74%